

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG 9**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: Lo /QĐ-UBND

Phường 9, ngày 11 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai ước thực hiện thu - chi ngân sách phường
và ước thu - chi các hoạt động tài chính khác năm 2020
của Ủy ban nhân dân Phường 9**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 9

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 106/NQ-HDND ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Phường 9 về ước thực hiện thu - chi ngân sách phường và ước thu - chi các hoạt động tài chính khác năm 2020;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán Phường 9.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu ước thực hiện thu - chi ngân sách phường và ước thu - chi các hoạt động tài chính khác năm 2020 của Ủy ban nhân dân Phường 9 (đính kèm theo biểu).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Điều 3. Văn phòng - Thống kê, Tài chính - Kế toán Ủy ban nhân dân Phường 9 Quận 10 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND Q10;
- Phòng TC-KT Q10;
- Đảng ủy P9;
- HDND P9;
- Lưu: VT, ntbinh./



Ngô Thị Việt Bình

PHƯỜNG 9

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Kèm theo QĐ số 20 / QĐ-UBND ngày 11 / 1 /2021 của UBND Phường 9)

Đơn vị : 1.000đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2020	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	<u>TỔNG SỔ THU</u>	<u>11.331.293</u>	<u>13.871.705</u>	<u>122,42</u>
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	357.300	499.213	139,72
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	974.100	1.219.537	125,20
3	Thu bổ sung	9.786.551	9.098.118	92,97
	Thu bổ sung cân đối	9.686.551	8.231.655	84,98
	Thu bổ sung có mục tiêu	100.000	866.463	866
4	Thu chuyển nguồn	213.342	3.054.837	1431,90
II	<u>TỔNG SỔ CHI</u>	<u>11.331.293</u>	<u>9.621.168</u>	<u>84,91</u>
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	11.291.351	9.621.168	85,21
3	Dự phòng (đối với dự toán)	39.942		
4	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau			

Phường 9, ngày 11 tháng 1 năm 2021

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bình



Ngô Thị Việt Bình

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020
(Kèm theo QĐ số 20 / QĐ-UBND ngày 11 / 1 /2021 của UBND Phường 9)

Đơn vị : 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN THU NĂM 2020		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2		3	4	5=3/1	6=4/2
I	TỔNG THU		11.331.293			13.871.705		122,42
	Các khoản thu 100%		357.300			499.213		139,72
	Thu phí lệ phí		204.900			177.439		86,60
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác							
	Thu từ hoạt động kinh tế và thu sự nghiệp							
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		152.400			187.634		123,12
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định							
	Đóng góp của nhân dân theo quy định							
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân					102.000		
	Thu khác					32.140		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		974.100			1.219.537		125,20
I	Các khoản thu phân chia		974.100			1.219.537		125,20
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		700.100			960.037		137,13

	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		274.000	259.500	94,71
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh				
	Lệ phí trước bạ nhà đất				
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định				
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã				
IV	Thu chuyển nguồn năm trước	213.342		1.451.385	
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			1.603.452	
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	9.786.551		9.098.118	92,97
	Thu bổ sung cân đối	9.686.551		8.231.655	84,98
	Thu bổ sung có mục tiêu	100.000		866.463	

Phường 9, ngày 11 tháng 1 năm 2021

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bình

Ngô Thị Việt Bình

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020
(Kèm theo QĐ số 20 / QĐ-UBND ngày 11 / 1 /2021 của UBND Phường 9)

Đơn vị : 1.000đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN				ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2020				SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX		TỔNG SỐ	XDCB	TX		TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3		4	5	6		7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<u>TỔNG SỐ</u>	<u>11.331.293</u>		<u>11.331.293</u>		<u>9.621.168</u>		<u>9.621.168</u>		<u>84,91</u>		<u>84,91</u>
1	Trong đó											
1	Chi giáo dục	26.685		26.685		16.421		16.421		61,54		61,54
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ											
3	Chi y tế	15.000		15.000		8.500		8.500		56,67		56,67
4	Chi văn hoá thông tin	55.000		55.000		12.300		12.300		22,36		22,36
5	Chi phát thanh, tuyên truyền											
6	Chi thể dục thể thao	35.000		35.000		19.280		19.280		55,09		55,09
7	Chi đầu tư											
8	Chi các hoạt động kinh tế											
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	8.356.835		8.356.835		7.073.092		7.073.092		84,64		84,64
	Quản lý nhà nước	4.962.297		4.962.297		4.315.736		4.315.736		86,97		86,97
	Hội đồng nhân dân	660.393		660.393		561.710		561.710		85,06		85,06
	Chi hoạt động Đảng CSVN	1.318.998		1.318.998		1.069.973		1.069.973		81,12		81,12

	Chi hoạt động Đoàn TNCS HCM	183.327	183.327	233.168	233.168	127,19	127,19
	Chi hoạt động Hội LHPN	359.678	359.678	263.484	263.484	73,26	73,26
	Chi hoạt động Hội CCB	243.035	243.035	164.738	164.738	67,78	67,78
	Chi hoạt động UBMTTQ VN	446.288	446.288	348.077	348.077	77,99	77,99
	Chi hoạt động Hội CTD	128.998	128.998	81.112	81.112	62,88	62,88
	Chi hoạt động Hội NCT	14.971	14.971	9.687	9.687	64,71	64,71
	Chi hoạt động Hội khuyến học	38.850	38.850	25.407	25.407	65,40	65,40
10	Chi cho công tác xã hội	20.000	20.000	176.440	176.440	882,20	882,20
11	Chi khác	2.782.831	2.782.831	2.315.135	2.315.135	83,19	83,19
	Chi công tác an ninh quốc phòng	1.070.410	1.070.410	812.179	812.179	75,88	75,88
	Chi công tác dân số	8.000	8.000	3.780	3.780	47,25	47,25
	Chi công tác gia đình	8.000	8.000	3.635	3.635	45,44	45,44
	Chi điện dân lập	129.146	129.146	235.916	235.916	182,67	182,67
	Chi công tác dân quân tự vệ	1.517.611	1.517.611	1.222.900	1.222.900	80,58	80,58
	Sinh hoạt hè	49.664	49.664	36.725	36.725	73,95	73,95
12	Dự phòng ngân sách (đối với dự toán)	39.942	39.942				

Phường 9, ngày 11 tháng 1 năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN



Người lập biểu

(Signature)

Nguyễn Thị Bình

Ngô Thị Việt Bình